

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINGROUP

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 2. Phạm vi trách nhiệm	5
Điều 3. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty	5
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh	5
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty	6
Điều 7. Vốn điều lệ, Cổ phần	7
Điều 8. Các loại cổ phần	8
Điều 9. Cổ phiếu	8
Điều 10. Mua lại cổ phần	9
Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 12. Thu hồi Cổ phần	11
Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông	11
CHƯƠNG II	13
0	
Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý	13
Điều 15. Cổ đông của Công ty	13
Điều 16. Quyền của cổ đông	13
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	15
Điều 18. Cổ đông công ty	16
Điều 19. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Các đại diện được ủy quyền	19
Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và nội dung họp	20
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 26. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	27
Điều 29. Cuộc họp Hội đồng Quản trị	27
Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	29
Điều 32. Phó Tổng Giám đốc	30
Điều 33. Kế Toán trưởng	30
Điều 34. Bộ máy giúp việc	30
Điều 35. Đơn vị trực thuộc	30

Điều 36. Ban Kiểm soát.....	31
Điều 37. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 38. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát.....	32
Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	32
Điều 40. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	32
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 42. Trách nhiệm và bồi thường	33
Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan	34
Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	35
Điều 47. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động	36
Điều 48. Nội quy lao động	36
Điều 49. Hoạt động công đoàn và đoàn thể khác.....	36
CHƯƠNG IV	37
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	37
Điều 50. Trả cổ tức	37
Điều 51. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	38
Điều 53. Năm tài chính	39
Điều 54. Trích lập các quỹ	39
Điều 55. Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG VI	40
CON DẤU.....	40
Điều 56. Con dấu.....	40
Điều 57. Giải thể	40
Điều 58. Phá sản Công ty	41
Điều 60. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	42
Điều 61. Ngày hiệu lực.....	42

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. **"Hội đồng Quản trị"** có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
- b. **"Địa bàn Kinh doanh"** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. **"Vốn điều lệ"** có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- d. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- e. **"Ngày Thành lập"** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.
- f. **"Pháp luật"** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật.
- g. **"Cán bộ quản lý"** có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc điều hành, Kế Toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.
- h. **"Những người liên quan"** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- i. **"Cổ đông"** có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- j. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- k. **"Đại hội đồng cổ đông"** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- l. **"Chứng quyền"** có nghĩa là loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người sở hữu chứng khoán được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo mức giá đã được xác định trước trong thời kỳ nhất định.
- m. **"Tổng Giám đốc"** có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành của Công ty.
- n. **"Ngày làm việc"** có nghĩa là các ngày mà Công ty mở cửa làm việc bình thường (trừ ngày nghỉ cuối tuần và ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật).
- o. **"Ban Kiểm soát"** có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty.
- p. **"Cổ phần ưu đãi biểu quyết"** có nghĩa là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông.
- q. **"Cổ phần ưu đãi cổ tức"** có nghĩa là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

- r. **“Cổ phần ưu đãi hoàn lại”** có nghĩa là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- 1.2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích ý nghĩa của Điều lệ này;
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi cổ đông sáng lập và các cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty hoặc theo số cổ phần mà cổ đông sở hữu.

Điều 3. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty

- 3.1. Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 3.2. Tên Công ty:
- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN FIINGROUP**
 - Tên tiếng Anh: **FIINGROUP JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên viết tắt: **FIINGROUP JSC**
- 3.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa Nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Điện thoại: 024.35626962
 - Fax: 024.35625055
- 3.4. Chi nhánh và văn phòng đại diện của công ty:
- Chi nhánh của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh được đặt tại: Phòng 4621, Tầng 46, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Tên Chi nhánh bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN FIINGROUP – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**
 - Tên Chi nhánh bằng tiếng Anh: **FIINGROUP JOINT STOCK COMPANY – HO CHI MINH CITY BRANCH**
 - Tên Chi nhánh viết tắt: **FIINGROUP JSC – HCMC**
 - Công ty có quyền thành lập văn phòng đại diện hoặc thành lập thêm các chi nhánh khác ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

- 4.1. Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<i>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</i> <i>Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường, tìm kiếm và cung cấp thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);</i>	7320
2	<i>Dịch vụ thông tin khách chưa phân vào đâu</i> <i>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin kinh tế, thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);</i>	6399
3	<i>Hoạt động tư vấn quản lý</i> <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và quản lý chiến lược kinh doanh (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và kiểm toán); Dịch vụ tư vấn kinh doanh, tư vấn quản lý và quan hệ công chúng; Tư vấn quản lý về Thương hiệu và truyền thông đa phương tiện; Dịch vụ đánh giá quản lý, xếp hạng doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ.</i>	7020 (Chính)
4	<i>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</i> <i>Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu, cổng thông tin, cho thuê miền;</i>	6311
5	<i>Cổng thông tin</i> <i>Chi tiết: Tổng hợp, quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành kinh tế, tài chính và thị trường chứng khoán.</i>	6312
6	<i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i>	8230
7	<i>Đại lý, môi giới, đấu giá</i>	4610
8	<i>Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi phần mềm</i>	4651

4.2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

- a. Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lập hay tạm dừng hoạt động, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
- b. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.
- c. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho Công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

5.1. Quyền của Công ty:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động.
- e. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- f. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- g. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
- h. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- i. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- j. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Công ty:

- a. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- b. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.
- c. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- d. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- e. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- f. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Vốn điều lệ, Cổ phần

7.1. Vốn điều lệ của Công ty: **25.000.000.000** đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

- a. Vốn điều lệ của Công ty có thể được góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác. Trong đó:
 - Vốn bằng tiền là: **25.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
 - Vốn bằng tài sản là: 0 đồng (không đồng).

- b. Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.
 - c. **Tăng, giảm vốn điều lệ:**
 - Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hoặc các nhà đầu tư mới.
 - Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.
- 7.2. Cổ phần:
- a. Số cổ phần: **2.500.000** cổ phần (Hai triệu năm trăm ngàn cổ phần);
 - b. Loại cổ phần:
 - Cổ phần phổ thông: **2.500.000** cổ phần (Hai triệu năm trăm ngàn cổ phần);
 - Cổ phần ưu đãi: Không
 - c. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 8. Các loại cổ phần

- 8.1. Công ty phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
- 8.2. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - d. Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.
- 8.3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 8.4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 8.5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Cổ phiếu

- 9.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

- g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 9.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- 9.3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó .
Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Mua lại cổ phần

10.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Điều này.
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a trên đây với giá thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

10.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- b. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c dưới đây. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp

lý của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

10.3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 trên đây nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 trên đây được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

11.1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ.

11.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ chậm nhất là 15 ngày trước ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần.
- b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của Tổng Giám đốc. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;
- c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

- d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán.
- 11.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 11.4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 11.5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 và Khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.
- 11.6. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 11.7. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 11.8. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 11.9. Hội đồng Quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 11.10. Trong trường hợp một số cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 12. Gia hạn thanh toán tiền đăng ký mua Cổ phần

- 12.1. Nếu một cổ đông, nhà đầu tư không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả khi đăng ký mua cổ phiếu thì Hội đồng Quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
- 12.2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, Công ty sẽ chỉ ghi nhận đã hoàn tất phát hành, bán số cổ phần đã được thanh toán cho cổ đông, nhà đầu tư trên thực tế. Khi đó, đối với số cổ phần đăng ký mua còn lại chưa được cổ đông, nhà đầu tư thanh toán, Công ty sẽ có quyền phát hành, chào bán cho cổ đông, nhà đầu tư khác.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

- 13.1. Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

- 13.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 13.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong giờ làm việc của Công ty.
- 13.4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 13.5. Công ty phải phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc;
4. Ban Kiểm soát.

Điều 15. Cổ đông của Công ty

Cổ đông của Công ty bao gồm:

- 15.1. Cổ đông sáng lập là các cổ đông được liệt kê tại Điều 18 dưới đây.
- 15.2. Cổ đông phổ thông là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông.
- 15.3. Cổ đông ưu đãi là cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi bao gồm: Cổ đông ưu đãi biểu quyết, Cổ đông ưu đãi cổ tức, Cổ đông ưu đãi hoàn lại và Cổ đông ưu đãi khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 16. Quyền của cổ đông

16.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 và Khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Đại hội đồng cổ đông quyết định có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (nếu có) theo quy định như sau:
 - Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
- c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

16.3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

- a. Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ;
- b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 116 Luật Doanh nghiệp).

16.4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

- a. Nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ;
- b. Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
- c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

16.5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

17.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

17.2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

17.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

17.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 18. Cổ đông công ty

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc	Vốn góp					
				Tổng số cổ phần		Sở hữu vốn	Loại cổ phần		
				Số lượng	Giá trị (triệu đồng)		Phổ thông		Phần vốn góp (%)
							Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(10)
1	NGUYỄN QUANG THUẬN	Việt Nam	P2015, R1A Royal City, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	540.398	5.403.980	Cá nhân	540.398	5.403.980	21,616
2	TRẦN TRỌNG HOÀN	Việt Nam	Căn hộ 203-Nhà N0 17-2, Đô Thị Mới Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội	25.000	250.000	Cá nhân	25.000	250.000	1,000
3	NGUYỄN HỮU HIỆU	Việt Nam	P12B15, R1A Royal City, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	349.374	3.493.740	Cá nhân	349.374	3.493.740	13,975
4	BOLAT DUSENOV	Kazakhstan Việt Nam	Số 146 C5 Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	350.091	3.500.910	Cá nhân	350.091	3.500.910	14,004
5	QUICK Corp.	Nhật Bản	Nihonbashi Mitsui Tower, 2-1-1 Nihonbashi Muronmachi, Chuo-ku, Tokyo 103-8317, Nhật Bản	438.858	4.388.580	Pháp nhân	438.858	4.388.580	17,554
	Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chiharu Kawai	Nhật Bản	2-1-1 Nihonbashi Muronmachi, Chuo-ku, Tokyo 103-8317, Nhật Bản						
6	Nikkei Inc.	Nhật Bản	1-3-7 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	438.858	4.388.580	Pháp nhân	438.858	4.388.580	17,554

	Người đại diện theo ủy quyền: Ông Yoichi Iwamoto	Nhật Bản	Level 21, 28 Hennessy Road, Wanchai, Hong Kong						
7	Viaduct Holdings Limited	British Virgin Islands	Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, Quần Đảo Virgin thuộc Anh	150.000	1.500.000	Pháp nhân	150.000	1.500.000	6,000
	Người đại diện theo ủy quyền: Ông Marco Breu	Thụy Sĩ	Schweiz Suisse Svizzera Switzerland						
8	MẠC QUANG HUY	Việt Nam	The Magnolia, 22 đường 63, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. HCM	157.421	1.574.210	Tư nhân	157.421	1.574.210	6,297
9	TRUONG THỊ MINH TRANG	Việt Nam	Số 3, ngõ 708 Đê La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội	25.000	250.000	Tư nhân	25.000	250.000	1,000
10	VŨ THỊ HOÀN	Việt Nam	P2902, tầng 29, Tòa T8, CC Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	25.000	250.000	Tư nhân	25.000	250.000	1,000

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

19.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

19.2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp không thể thực hiện được trong thời hạn trên thì Hội đồng Quản trị sẽ đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- b. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hằng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc;
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

19.3. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.

19.5. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

19.6. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

19.7. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

19.8. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- 19.9. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do người triệu tập họp quyết định hoặc tham dự trực tuyến bởi tất cả hoặc một số cổ đông thông qua các thiết bị internet tùy tình hình và theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 19.10. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm các chi phí chi tiêu cá nhân của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

20.1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- d. Quyết định lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- j. Quyết định tổ chức lại, giải thể, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k. Quyết định việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;
- l. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các văn bản nội bộ khác của Công ty.

20.2. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:

- a. Các hợp đồng mà cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.

20.3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 21. Các đại diện được ủy quyền

21.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
 - d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
 - e. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
 - f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
- 21.2. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 1 trên đây thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 21.3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- 21.4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
- 21.5. Quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
- 21.6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và nội dung họp

22.1. Chương trình và nội dung họp:

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong từng thời kỳ.
- d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

22.2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.
- b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
- c. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- d. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- e. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

22.3. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

22.4. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- a. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

- b. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- c. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- d. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- e. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- f. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- g. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điểm h Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 23.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp điều kiện tổ chức họp không cho phép hoặc theo quyết định của chủ tịch Hội đồng Quản trị .
- 23.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 23.3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- Được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại điểm b, c điều này;
 - Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu, tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 23.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 23.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;
- 23.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 24.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

24.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

24.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

24.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

24.5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- g. Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

24.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

24.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

24.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

25.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ tên Chủ toạ và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị chính.

25.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

25.3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 26.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp;
- 26.2. Nội dung nghị quyết định vi phạm quy định pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 27. Hội đồng Quản trị

27.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

27.2. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:

- a. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm; thành viên

Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể là thành viên kiêm nhiệm.

- b. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- c. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

27.3. Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định tại Điều lệ này;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty con, Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- 27.4. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua họp trực tuyến. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.
- 27.5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 28.1. Hội đồng Quản trị bầu một người trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 28.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 28.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 29. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

- 29.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Cuộc họp được tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do người triệu tập họp quyết định hoặc tham dự trực tuyến thông qua các thiết bị internet tùy tình hình và theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 29.2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định.
- 29.3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 29.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc của ít nhất 05 người quản lý khác;

- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
- d. Các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ.
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- 29.5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 29.6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 29.7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 29.8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 29.9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 29.10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị
- a. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

- b. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị chính.

Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

- 30.1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 30.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 31. Tổng Giám đốc

- 31.1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 31.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 31.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 31.4. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định, phê duyệt các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty (bao gồm phê duyệt các quy chế, chính sách, quy trình, quy định, văn bản điều hành công việc kinh doanh khác) mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Xây dựng kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;

- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Đại diện cho Công ty trong việc khởi kiện, giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động;
 - j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 31.5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 32. Phó Tổng Giám đốc

- 32.1. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc không quá năm năm;
- 32.2. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn:
- a. Giúp việc Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - b. Thực hiện các nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt theo ủy quyền của Tổng Giám đốc.
 - c. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Điều 33. Kế Toán trưởng

- 33.1. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo quy định của pháp luật. Kế Toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 33.2. Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm năm.

Điều 34. Bộ máy giúp việc

- 34.1. Bộ máy giúp việc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc của Công ty, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ theo phân cấp của Tổng Giám đốc.
- 34.2. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc do Hội Đồng Quản Trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Đơn vị trực thuộc

- 35.1. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc bao gồm nhưng không giới hạn Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp tại Địa bàn Kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật.
- 35.2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các vấn đề khác liên quan tới các đơn vị trực thuộc của Công ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 35.3. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động các đơn vị trực thuộc của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36. Ban Kiểm soát

- 36.1. Ban Kiểm soát có từ 3 đến 5 thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.2. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu 01 người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 36.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 37. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 37.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 37.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 37.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.
- 37.4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 37.5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.
- 37.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 37.7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 37.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 37.9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.10. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 37.11. Ban kiểm soát phải tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát

- 38.1. Chỉ đạo Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ này.
- 38.2. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;
- 38.3. Yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và
- 38.4. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại Hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

- 39.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- 39.2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- 39.3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
- 39.4. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực mà theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

- 41.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
- 41.2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một

thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

41.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

41.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

41.5. Hợp đồng, giao dịch vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 42. Trách nhiệm và bồi thường

42.1. Trách nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

42.2. Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty). Nếu người đó đã và đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty (hay công ty con của công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty (hay công ty con của công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín khác hoặc pháp nhân khác. những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

- 43.1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng thù lao, tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- 43.2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
- 43.3. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan

- 44.1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
- 44.2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 44.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 44.4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được

sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 45.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
- 45.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 45.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG III

LAO ĐỘNG

Điều 46. Tuyển dụng lao động

Tất cả lao động làm việc cho Công ty được tuyển chọn và sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 47. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

47.1. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động được đảm bảo bằng Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động và Tổng Giám đốc, phù hợp với quy định của pháp luật.

47.2. Chính sách lương cho người lao động của Công ty sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 48. Nội quy lao động

48.1. Công ty sẽ xây dựng nội quy lao động phù hợp với các quy định của pháp luật, để áp dụng cho tất cả những người làm việc tại Công ty.

48.2. Những người làm việc tại Công ty phải tuân thủ nội dung lao động do Công ty ban hành.

Điều 49. Hoạt động công đoàn và đoàn thể khác

49.1. Người lao động trong Công ty có quyền lập ra tổ chức công đoàn đại diện cho quyền lợi của mình và các đoàn thể khác phù hợp với quy định của pháp luật.

49.2. Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động công đoàn và các đoàn thể khác của người lao động trong Công ty.

CHƯƠNG IV

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 50. Trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh

50.1. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, các tổ chức sẽ được công bố và chia trả từ lợi nhuận giữ lại của công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.

50.2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

50.3. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

50.4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

50.5. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

- 50.6. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- 50.7. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.
- 50.8. Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
- 50.9. Trong trường hợp công ty bị lỗ trong kinh doanh nhưng chưa đến mức phải tuyên bố giải thể theo quy định của pháp luật, thì công ty sẽ thực hiện xử lý phần lỗ như sau:
- Lấy tiền quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ;
 - Nếu tiền quỹ dự trữ không có hoặc có nhưng không đủ bù lỗ, thì phần lỗ còn lại phải chuyển sang năm sau.

Điều 51. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

- 52.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 52.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
- 52.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

Điều 54. Trích lập các quỹ

Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: tối thiểu 2%;
- Quỹ phúc lợi tập thể: tối thiểu 2%;
- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: tối thiểu 2%;
- Quỹ khen thưởng: tối thiểu 2%;

Tỷ lệ cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong từng thời kỳ nhưng không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định tại Điều này.

Điều 55. Hệ thống kế toán

- 55.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 55.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 55.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VI

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

- 56.1. Tổng Giám đốc sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 56.2. Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 57. Giải thể

57.1. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty:

- a. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
- b. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

57.2. Thủ tục giải thể Công ty:

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - Lý do giải thể;
 - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
 - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- b. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Hội đồng Quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty hoặc thành lập Ban thanh lý để thực hiện việc thanh lý tài sản của Công ty.
- c. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty.

Quyết định giải thể Công ty phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp nếu pháp luật có yêu cầu.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

- d. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:
- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại thuộc các cổ đông và được phân chia theo tỷ lệ cổ phần mà họ nắm giữ.

- e. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty, Tổng Giám đốc phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh để tiến hành thủ tục xoá tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.
- f. Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

57.3. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể:

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- a. Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- d. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- e. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- f. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 58. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

59.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người quản lý khác thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội Đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một Văn phòng luật sư chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

59.2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

59.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 60. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 60.1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
- 60.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
- 60.3. Được phép sử dụng chữ ký số trong các văn bản, tài liệu yêu cầu phải có chữ ký của đại diện có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 61. Ngày hiệu lực

- 61.1. Điều lệ này gồm 8 Chương, 61 Điều, được thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2022.
- 61.2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày các cổ đông đồng ý thông qua và thông báo với Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội.
- 61.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 61.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.
- 61.5. Điều lệ này được lập thành 03 bản có giá trị ngang nhau.

Chữ ký của Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc